

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2023

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thanh.

2. Ông Nguyễn Tấn Để.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị C, sinh năm 1978;

- *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: KP 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

(Đương sự có mặt đủ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị C trình bày: Anh H và chị C cưới nhau năm 1997, cưới nhau là do hai bên quen nhau rồi tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Hiện tại có 02 người con chung là H1, sinh năm 1998 và H2, sinh năm 2003. H1 đã có vợ con sống riêng, còn H2 sống chung gia đình nhưng đã lớn đi Vũng Tàu làm thuê. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ăn nhậu rồi về nhà quậy, đập đồ

trong nhà, chị C đã nộp đơn nhiều lần nhưng anh H hứa sửa đổi, nhưng đến nay vẫn không sửa. Nay yêu cầu được ly hôn, không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh H trình bày:* Anh H và chị C cưới nhau năm 1997, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Hiện tại có 02 người con chung như lời trình bày của chị C. Anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Anh không tranh chấp hay yêu cầu gì khác, nếu không thỏa thuận về tài sản được thì sẽ yêu cầu sau, không yêu cầu trong vụ này.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh chị sống chung từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị C và anh H không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 1997 chị C và anh H sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh chị. Theo đó, chị C và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị C và anh H đều xác định có 02 người con chung, hiện nay đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không tranh chấp tài sản và trình bày không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị C phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị C và anh H.

2- Án phí sơ thẩm: Chị C chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000939 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận